

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKX2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230672012-801 - H nh h a - v k thu t H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572020402	35CKX2	Nguy n Ho ấ ng Anh	17/03/1992				5.7	6.7		6.2	1.9	5.5	3.9	5.7	
2	3572020302	35CKX2	D ấ ng Ho ấ B o	02/12/1993				7.8	8.6		8.2	2.5	7.2	5.0	7.5	
3	3572020089	35CKX2	Ph m Th C ấ ng	11/03/1992				8.4	7.2		7.8	2.3	6.5	4.6	6.9	
4	3572020642	35CKX2	L ấ V ấ Nh Ch t	06/12/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3572020466	35CKX2	Tr n Tr ấ ng ấ t	01/09/1992				5.8	7.2		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
6	3472020026	34CKX1	Nguy n Ti n ấ c	23/02/1991				3.5	3.0		3.3	1.0	0.3	0.2	1.2	
7	3572021039	35CKX1	Nguy n Th Thanh H ấ ng	16/05/1993				3.7	6.4		5.1	1.5	7.3	5.1	6.6	
8	3472020035	34CKX2	L u Thanh Hi n	20/10/1992				5.2	9.7		7.5	2.3	5.2	3.6	5.9	
9	3572020167	35CKX2	B ấ i Ng c L c	15/09/1993				8.6	9.4		9.0	2.7	7.6	5.3	8.0	
10	3472020064	34CKX1	L ấ Th H ấ ng My	10/07/1992				4.3	5.6		5.0	1.5	3.9	2.7	4.2	
11	3572020140	35CKX2	Nguy n Th ấ ng Nam	01/07/1993				2.8	0.0		1.4	0.4	0.0	0.0	0.4	CT
12	3472020075	34CKX3	L ấ Th M Nguy t	28/06/1992				7.2	9.7		8.5	2.6	5.4	3.8	6.3	
13	3572021212	35CKX2	B ấ i ấ c Phú	07/02/1993				8.3	9.6		9.0	2.7	8.4	5.9	8.6	
14	3472020104	34CKX3	Nguy n V ấ Nh Th nh	18/04/1992				6.0	8.1		7.1	2.1	5.9	4.1	6.2	
15	3572021194	35CKX1	Huu nh V ấ Nh Thi ấ n	05/09/1990				3.5	4.0		3.8	1.1	5.0	3.5	4.6	
16	3572021167	35CKX2	Nguy n Th Thu	25/06/1993				7.9	5.9		6.9	2.1	6.4	4.5	6.6	
17	3572020406	35CKX2	Nguy n Th Ph ấ ng Th ấ y	13/09/1993				6.0	9.4		7.7	2.3	7.0	4.9	7.2	
18	3572020129	35CKX2	Huu nh Th Anh Th	08/10/1993				6.8	6.0		6.4	1.9	7.9	5.5	7.5	

T ng s : 18 h c sinh sinh vi²n

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Tp.HCM, ngày / /

Gi" o V Khoa